

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-PT
Ngày 23-11-2021
V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán hợp đồng xây dựng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Trần Văn San.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:*** Bà Trần Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc “*Kiểm đòi nợ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam kháng nghị tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1629/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/8/2021.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D; địa chỉ trụ sở: Phố Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Kỳ A, sinh năm 1997; địa chỉ: Đường C, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Võ Đình Đ; chức vụ: Luật sư Công ty luật Đ thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Đường C, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn F; địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Park Jong G; chức vụ: Tổng giám đốc; thay đổi thành ông Lee Hong S; chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được xác định như sau: Ngày 01/10/2016, Công ty Cổ phần D (viết tắt là Công ty D) và Công ty TNHH F (viết tắt là Công ty F) có ký hợp đồng thi công xây dựng số 20161001/F-D về việc Công ty D thực hiện thi công xây dựng nhà máy cho Công ty F tại Khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam với tổng giá trị hợp đồng dự kiến là 11.024.200.000 đồng. Ngày 26/5/2017 các bên tiến hành ký kết thêm phụ lục hợp đồng số 01/PLHD về việc phát sinh thay đổi thiết kế hạng mục thi công gồm máng nước inox, xây ngăn bể nước, kết cấu mái bể nước, hệ thống rãnh bên trong nhà xưởng, hệ thống bơm, cứu hỏa, đổ bê tông đường vv... với giá trị phụ lục hợp đồng (bao gồm VAT) là 1.311.728.000 đồng và là bộ phận không thể tách rời của hợp đồng thi công xây dựng số 20161001/F-D. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã thực hiện thi công đầy đủ các hạng mục của công trình theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng theo các bên đã thỏa thuận và ký kết. Ngày 03/10/2018, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 031018/BBTL thống nhất xác nhận về việc Công ty D đã hoàn thành việc thi công, xây dựng nhà máy cho Công ty F tại Khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam và công trình đã được bàn giao cho Công ty F để đưa vào sử dụng. Biên bản thanh lý hợp đồng cũng xác định tổng giá trị quyết toán của hợp đồng thi công là 12.335.928.000 đồng (bao gồm giá trị của hợp đồng và phụ lục hợp đồng) trong đó Công ty F đã thanh toán cho Công ty D số tiền là 10.421.780.000 đồng và còn nợ 1.914.148.000 đồng. Từ thời điểm đó đến nay, Công ty D nhiều lần gửi công văn và trực tiếp đôn đốc Công ty F về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty F không hợp tác và cũng không thực hiện đúng nghĩa vụ như cam kết. Nay Công ty D khởi kiện yêu cầu Công ty F phải trả toàn bộ số tiền 1.914.148.000 đồng và lãi suất do chậm trả tiền là 13,5%/năm căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 306 Luật thương mại với số tiền lãi tạm tính đến ngày 03/6/2021 là 689.093.280 đồng.

Bị đơn là Công ty F tại giai đoạn sơ thẩm đã được Tòa án thông báo, tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng đại diện hợp pháp của Công ty F không có mặt và cũng không có ý kiến, quan điểm nào đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã Quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015; các Điều 155, 274, 280, 351, 357, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn F phải trả cho Công ty Cổ phần D số tiền còn nợ theo biên bản thanh lý hợp đồng giữa các bên ngày 03/10/2018 là: 1.914.148.000 đồng và khoản lãi do chậm trả tiền tính từ ngày 03/10/2018 đến hết ngày 08/7/2021 (02 năm 09 tháng 05 ngày) theo mức lãi suất tính bằng 10%/năm là 529.049.000 đồng. Tổng cộng là 2.443.197.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

2. Bác các yêu cầu khác của đương sự

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1629/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với nội dung:

Thứ nhất, bản án sơ thẩm vi phạm trong việc xác định loại án và quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây vụ án dân sự “Kiện đòi nợ” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là không đúng quy định của pháp luật mà phải xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 do có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng là hoạt động kinh doanh, thương mại có mục đích lợi nhuận giữa các chủ thể là tổ chức có đăng ký kinh doanh.

Thứ hai, vi phạm trong việc thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là chưa thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của Tòa án theo quy định tại các Điều 22, 170 BLTTDS và không đảm bảo tính hợp lệ của việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm

Bị đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng xây dựng. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không kháng cáo và nhất trí với mức lãi suất quyết định tại Quyết định của Bản án cấp sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý; không nhất trí với Quyết định kháng nghị số 1629/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Giữ nguyên nội dung kháng nghị tại Quyết định kháng nghị số 1629/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/8/2021. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền của cấp phúc thẩm. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với Công ty F nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty F vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về thủ tục, cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1629/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam xác định tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì Công ty F đã tạm dừng hoạt động, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lee Hong S không có mặt tại trụ sở Công ty nên không biết được văn bản tố tụng mà Tòa án niêm yết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi có trụ sở của bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn F; tại Khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Địa chỉ được ghi trong Hợp đồng xây dựng mà các bên đã ký kết là nơi thực hiện hợp đồng. Và xác định địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 08/7/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty F. Bị đơn vắng mặt gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b

khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và bị đơn phải chịu hậu quả bất lợi về vi phạm nghĩa vụ của mình. Việc Công ty F thông báo tạm dừng hoạt động không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng thương mại, Công ty F phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, trường hợp này được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*”. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về xác định loại án và quan hệ tranh chấp.

Ngày 01/10/2016, Công ty D và Công ty F ký Hợp đồng thi công xây dựng số 20161001/F-D về việc Công ty D thực hiện thi công xây dựng nhà máy cho Công ty F tại Khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam với tổng giá trị hợp đồng dự kiến là 11.024.200.000 đồng. Ngày 26/5/2017 các bên tiến hành ký kết thêm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ về việc phát sinh thay đổi thiết kế hạng mục thi công với giá trị phụ lục hợp đồng (bao gồm VAT) là 1.311.728.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã thực hiện thi công đầy đủ các hạng mục của công trình theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng theo các bên đã thỏa thuận và ký kết. Ngày 03/10/2018, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 031018/BBTL thống nhất xác nhận về việc Công ty D đã hoàn thành việc thi công, xây dựng nhà máy cho Công ty F và công trình đã được bàn giao cho Công ty F để đưa vào sử dụng. Biên bản thanh lý hợp đồng cũng xác định tổng giá trị quyết toán của hợp đồng thi công là 12.335.928.000 đồng (bao gồm giá trị của hợp đồng và phụ lục hợp đồng) trong đó Công ty F đã thanh toán cho Công ty D số tiền là 10.421.780.000 đồng và giá trị còn phải thanh toán là 1.914.148.000 đồng, các bên thỏa thuận “*mọi quyền lợi, nghĩa vụ giữa hai bên sẽ được chấm dứt và không còn bất cứ tranh chấp gì khi Bên A (Công ty F) thanh toán đầy đủ tiền cho Bên B (Công ty D)*”. Như vậy, các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng khi Công ty F vi phạm nghĩa vụ phải trả lãi theo Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 hay Điều 306 Luật thương mại. Công ty D và Công ty F đều là pháp nhân thương mại, ký kết hợp đồng thi công xây dựng đúng quy định của pháp luật và đều có mục đích lợi nhuận, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở hợp đồng xây dựng nên là “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng xây dựng*” theo quy định tại Điều 144, 146 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 22 và Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Vì vậy, vụ án trên thuộc loại án tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ kiện dân sự “*Kiện đòi nợ*” và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi phát sinh do chậm trả tiền là sai lầm nghiêm trọng. Xét hậu quả: Mặc dù cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật, tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm từ ngày 03/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (02 năm 09 tháng 05 ngày) là 529.049.000 đồng nhưng sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo về việc tính lãi; tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với mức lãi nêu trên là tự nguyện và có lợi cho bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử không hủy án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 06/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 số của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về “*quan hệ pháp luật tranh chấp và điều luật áp dụng*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 144, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014; các Điều 22, 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn F phải trả cho Công ty Cổ phần D số tiền còn nợ theo biên bản thanh lý hợp đồng giữa các bên ngày 03/10/2018 là: 1.914.148.000 đồng và khoản lãi do chậm trả tiền tính từ ngày 03/10/2018 đến hết ngày 08/7/2021 (02 năm 09 tháng 05 ngày) theo mức lãi suất tính bằng 10%/năm là 529.049.000 đồng. Tổng cộng là 2.443.197.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm

- Công ty TNHH F phải nộp 80.864.000 đồng.

- Công ty Cổ phần D phải nộp 9.902.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 40.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004655 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Công ty Cổ phần D được nhận lại 30.098.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng